

*
Số: -CTr/ĐU

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI
HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ XÃ LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025- 2030
(Chỉ tiêu Kinh tế)

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 24/7/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đắk Pék lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Ban Chấp hành Đảng bộ xã xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 về chỉ tiêu kinh tế, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đắk Pék lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra các nhiệm vụ về phát triển kinh tế làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, các ngành cụ thể hóa thành các kế hoạch tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm đạt kết quả cao nhất.

2. Yêu cầu: Triển khai đầy đủ toàn diện nhiệm vụ về công tác phát triển kinh tế cụ thể: Về thực hiện thu ngân sách trên địa bàn; về thu nhập, công tác giảm nghèo; về thực hiện duy trì tỷ lệ che phủ rừng, phát triển cây phân tán; về thực hiện diện tích cây trồng chủ yếu; về thực hiện đàn gia súc, nuôi trồng thủy sản; về thực hiện mỗi xã một sản phẩm; về thực hiện chỉ tiêu nước sạch và nhà vệ sinh; về cơ sở sản xuất kinh doanh đạt về môi trường; về chỉ tiêu hộ đồng bào dân tộc thiểu số không còn thiếu đất ở, đất sản xuất. Trong đó tập trung thực hiện các giải pháp để khai thác mọi tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương; tăng cường kêu gọi thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, huy động khai thác và khơi thông các nguồn lực, tranh thủ và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án được đầu tư một cách đồng bộ, hiệu quả. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo của tỉnh, Trung ương; thường xuyên kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới; gắn trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

1. Về thực hiện thu ngân sách trên địa bàn

1.1. Mục tiêu tổng quát: Phần đầu đạt tổng thu ngân sách địa bàn đạt giai đoạn 2025-2030 15,5 tỷ đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (1) Năm 2026 đạt 14,3 tỷ đồng, (2) Năm 2027 đạt 14,6 tỷ đồng, (3) Năm 2028 đạt 14,9 tỷ đồng, (4) Năm 2029 đạt 15,2 tỷ đồng, Năm 2030 đạt 15,5 tỷ đồng.

1.3. Nhiệm vụ và giải pháp

1.3.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách thuế đến tất cả các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn để người nộp thuế nắm bắt các chính sách thuế góp phần ổn định sản xuất và nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ của người nộp thuế với Nhà nước.

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng như: phát tờ rơi, thông báo trên đài Truyền thanh - Truyền hình xã, pa nô, áp phích, các trang mạng xã hội....

- Niêm yết, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính, liên quan tới các chế độ, chính sách thuế đối với các tổ chức, hộ kinh doanh.

- Tiếp tục giải đáp những khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế về chính sách thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

1.3.2. Tăng cường các biện pháp Quản lý Thuế, bao quát nguồn thu, khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu, nợ đọng thuế trên địa bàn; Kịp thời đơn đốc thu nợ đối với các nguồn thu do Thuế Quảng Ngãi, Thuế khu vực 11

- Cấp ủy và chính quyền địa phương tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về thuế; các chủ trương của ngành thuế cũng như chỉ đạo công tác phối kết hợp với các Ban, Ngành liên quan trong công tác quản lý thuế.

- Tăng cường giải pháp khai thác nguồn thu từ quỹ đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Tăng cường quản lý khai thuế, đơn đốc nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo sử dụng hóa đơn, báo cáo quyết toán thuế. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Tăng cường công tác quản lý thu nợ, cương quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ đối với những doanh nghiệp, hộ kinh doanh nợ thuế lớn dây dưa, chây ì nộp thuế.

- Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra thuế. Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan để nắm bắt thông tin phục vụ công tác kiểm tra, chú trọng những doanh nghiệp hoạt động xây dựng cơ bản vắng lai, khai thác tài nguyên khoáng sản ...

1.3.3. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và sử dụng vốn đầu tư công một cách hiệu quả.

- Khẩn trương rà soát, kịp thời loại bỏ, tháo gỡ các rào cản khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

1.3.4. Tăng cường quảng bá, thu hút đầu tư vào địa bàn xã

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình quảng bá hình ảnh, lợi thế của địa phương và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư.

- Xây dựng thương hiệu, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của địa phương, giới thiệu môi trường đầu tư, kêu gọi đầu tư các dự án bằng nhiều hình thức khác nhau để thu hút vốn.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp tại địa phương.

1.3.5. Tăng cường công tác Quản lý quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng

- Trên cơ sở nội dung quy hoạch được xây dựng cần tuyên truyền, phổ biến, nêu cao tầm quan trọng, ý nghĩa thiết thực nhận thức của nhân dân, xem đây là công cụ cơ bản để chỉ đạo thực hiện việc quản lý quy hoạch.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật trang thiết bị theo hướng hiện đại, độ chính xác cao, đáp ứng yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, thương mại dịch vụ. Đồng thời đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng về y tế, giáo dục đào tạo, lồng ghép các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới...

1.3.6. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các mặt của đời sống, đặc biệt trên lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, vi sinh và giống cây trồng vật nuôi nhằm phát triển kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách.

- Tập trung xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, trong đó cần chú trọng xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, lao động có tay nghề cao.

- Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát huy phong trào thi đua lao động sáng tạo, phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân.

1.3.7. Tăng cường công tác kiểm soát TTHC, thực hiện tốt quy chế hoạt động tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông

- Tăng cường công tác kiểm soát và cải cách TTHC để đem lại hiệu quả hoạt động quản lý hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, người nộp thuế. Duy trì thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các thủ tục hành chính được giải quyết theo hướng nhanh, gọn, đơn giản.

- Công khai niêm yết nội dung, địa chỉ phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên bảng công khai được đặt tại bộ phận một cửa, thông tin số điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý của bộ phận tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị để người dân, người nộp thuế được biết và liên hệ.

1.3.8. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, luôn tích cực phòng chống tham nhũng. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Quản lý tài chính, tài sản theo đúng Quy chế quản lý tài sản, tài chính và định mức chi tiêu nội bộ của các đơn vị, chế độ chính sách của Nhà nước, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí và tài sản của nhà nước giao cho đơn vị.

2. Về thu nhập, công tác giảm nghèo.

2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập trên đầu người nhằm nâng cao đời sống của Nhân dân. Tập trung mọi nguồn lực, phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực để phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, phấn đấu đến năm 2030 thu nhập bình quân đầu người đạt 62 triệu đồng/người/năm

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn đạt hiệu quả cao nhất.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Thu nhập bình quân đầu người: Năm 2025: ≥ 45 triệu đồng/người/năm; Năm 2027: ≥ 54 triệu đồng/người/năm; Năm 2030: ≥ 62 triệu đồng/người/năm.

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn xã đến cuối năm 2030 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo Hướng dẫn của Trung ương. Cụ thể: Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm nhiệm kỳ 2025-2030: Dự báo cuối năm 2025 còn 2,65% (-4%), năm 2026 còn 2,05% (-0,6%), năm 2027 còn 1,45% (-0,6%), năm 2028 còn

0,95% (-0,5%), năm 2029 còn 0,45% (-0,5%), năm 2030 không còn hộ nghèo không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Trên 90% lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ nông thôn, công nghệ thông tin.

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng, nâng cao ý thức vươn lên thoát nghèo. Tuyên truyền vận động nhân dân mạnh dạn chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khai thác lợi thế địa phương.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, lồng ghép hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi...). Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức tài trợ. Sử dụng hợp lý nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn tín dụng chính sách.

- Xây dựng các mô hình kinh tế hợp tác, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, giúp người dân liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tăng sức cạnh tranh. Khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả như hợp tác xã, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phát triển kinh doanh trên địa bàn xã.

- Phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp (ưu tiên cây mắc ca, cà phê, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung...) Sử dụng giống mới năng suất cao, kỹ thuật canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; áp dụng các biện pháp tưới tiêu hiện đại, quản lý dịch bệnh hiệu quả. Hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất theo quy trình.

- Tăng cường đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn, phù hợp với nhu cầu thực tế (chăn nuôi, điện dân dụng, cơ khí, trồng trọt...). Kết nối với các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh, đưa lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp lớn hoặc xuất khẩu lao động có thời hạn.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bản tin điện tử về chủ trương, chính sách giảm nghèo, các loại hình truyền thông phù hợp; những mô hình hay, cách làm hiệu quả, giới thiệu những gương sáng thoát nghèo tiêu biểu trong cộng đồng, tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, khơi dậy trách nhiệm bản thân để chủ động vươn lên thoát nghèo; tiếp tục

phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau*” rộng khắp trên địa bàn xã.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phát triển sản xuất, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo. Nâng cao khả năng tiếp cận của các hộ nghèo, hộ cận nghèo về dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án, chương trình hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng các dự án, mô hình hỗ trợ thoát nghèo theo hướng nâng cao trách nhiệm, hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn, giảm dần chính sách cho không, mở rộng chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động làm cho các hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thay đổi nếp nghĩ, tư lực, tự cường vươn lên thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số; biết và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, biết chi tiêu hợp lý để tích lũy vốn tái đầu tư sản xuất.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, liên doanh, liên kết giữa người dân với doanh nghiệp để xây dựng nhiều sản phẩm trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo, tạo điều kiện cho người dân, người nghèo, cận nghèo trao đổi trực tiếp với các cấp chính quyền, nêu lên chính kiến, những nguyện vọng, khó khăn của hộ gia đình và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Có giải pháp quyết liệt đối với hộ nghèo chây lười, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước.

3. Về thực hiện duy trì tỷ lệ che phủ rừng, phát triển cây phân tán

3.1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý, bảo vệ và chăm sóc diện tích rừng hiện có.

3.2. Mục tiêu cụ thể: Tổng diện tích rừng trên địa bàn xã giữ vững đến năm 2030 là: 7.831,91 ha (*trong đó: Rừng tự nhiên: 7.374,68 ha¹; rừng trồng: 457,23*

¹ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei 6164,47 ha; Chủ rừng là hộ gia đình cá nhân 508,68 ha; Chủ rừng là cộng đồng dân cư 303,87 ha và Diện tích chưa giao chưa cho thuê hiện do UBND xã quản lý 397,66 ha

ha²). Độ che phủ rừng duy trì 42,86%. Duy trì và thực hiện tốt việc chăm sóc diện tích rừng hiện có đồng thời phát triển rừng trồng cây phân tán theo chỉ tiêu tỉnh giao.

3.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tăng cường công tác quản lý đối với các quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục rà soát, giải quyết kịp thời, dứt điểm diện tích đất trồng lán, lán chiếm nằm trong lâm phần của các đơn vị chủ rừng để bố trí, sử dụng theo quy định của pháp luật. Tập trung giải quyết đất sản xuất cho người dân để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa chính quyền địa phương, chủ rừng, lực lượng kiểm lâm và cộng đồng dân cư thôn, làng để ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng và lán chiếm đất rừng trái phép. Thực hiện đảm bảo chi trả dịch vụ môi trường rừng trong việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng đến từng hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình trồng rừng; Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong công tác phát triển rừng. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng các mô hình nông-lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Có chính sách tạo điều kiện để doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi để phát triển lâm nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng, tích cực đấu tranh, tố giác đối với các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; thường xuyên tuần tra, kiểm tra, truy quét ngăn chặn kịp thời các vi phạm. Điều tra và xử lý nghiêm các vi phạm Luật Lâm nghiệp xảy ra trên địa bàn. Kịp thời động viên, khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác Quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa rừng, quản lý lâm sản.

4. Về thực hiện diện tích cây trồng chủ yếu

4.1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục định hướng, phát triển ngành trồng trọt theo hướng sản xuất có quy mô, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở khai thác bảo tồn, mở rộng phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương. Lấy doanh nghiệp là trụ cột, hợp tác xã, tổ hợp tác là hạt nhân trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ, sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp an toàn và phát triển các chuỗi giá trị liên kết gắn với xây dựng thương hiệu để phát triển sản phẩm chủ lực bền vững và tiêu thụ sản phẩm.

² Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei 271,92 ha; Chủ rừng là hộ gia đình cá nhân 88,75 ha; Chủ rừng là cộng đồng dân cư 5,21 ha; Diện tích chưa giao chưa cho thuê hiện do UBND xã quản lý 91,35 ha;

4.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tổng diện tích cây trồng hàng năm, tập trung chủ yếu các loại cây như Lúa, ngô, sắn, rau màu, thuốc lá và cây trồng khác đạt 1.103 ha, trong đó (*cây thuốc lá đạt 60 ha trở lên*).

- Tổng diện tích cây trồng lâu năm chủ yếu tập trung duy trì, phát triển thêm diện tích các loại cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao như Cà phê, Cao su, Mắc ca, cây ăn quả đạt 1.913 ha trong đó (*Cà phê đạt 500 ha; cây Cao su đạt 170 ha; cây Mắc Ca đạt 133 ha; cây ăn quả đạt 150 ha; cây khác đạt 960 ha*).

- Cây được liệu 68 ha trở lên

- Cải tạo vườn tạp đạt 18 ha trở lên.

4.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ thị trường. Rà soát quy hoạch các loại cây trồng có giá trị kinh tế, có tiềm năng, lợi thế của địa phương phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu trên địa bàn tạo vùng sản xuất chuyên canh thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Triển khai tốt công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sản xuất gắn với chế biến giảm thiểu rác thải, nước thải ô nhiễm môi trường, hình thành các vùng sản xuất tập trung.

- Phát triển ngành trồng trọt theo hướng sản xuất có quy mô, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng các loại cây giống, quy trình sản xuất, trong đó đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời nghiên cứu chuyển sang các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ trên thị trường. Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động điều hành của các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn, nâng cao ý thức các hộ tham gia.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch, lộ trình xác định mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm duy trì diện tích các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây khác có hiệu quả kinh tế cao như chuyển đổi diện tích cây mỳ đã bị sâu bệnh hiệu

quả năng suất thấp để cải tạo đất sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, ổn định.

- Rà soát diện tích đất có thể phát triển cây Dược liệu như Sâm dây (Đẳng sâm) tại các thôn³ có khí hậu phù hợp để trồng.

- Rà soát diện tích có thể cải tạo vườn tạp để tuyên truyền vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm tăng hiệu quả phát triển kinh tế cho người dân trên địa bàn.

- Thực hiện đa dạng hóa huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực của doanh nghiệp, nhân dân để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Tập trung lồng ghép các nguồn vốn, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong nhân dân, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn để phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển thị trường, khuyến khích xây dựng các chuỗi liên kết từ khâu trồng, thu hoạch, chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp của địa phương theo hướng liên kết 5 nhà (*nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và đầu tư*) gắn với hình thành, phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, nhóm hộ để liên kết trồng tiêu thụ dược liệu theo chuỗi giá trị xác định liên kết với doanh nghiệp. Đẩy nhanh ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật. Triển khai hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký xuất xứ hàng hoá và công bố địa chỉ, nơi cung cấp nguyên liệu đảm bảo chất lượng, an toàn.

- Nghiên cứu xây dựng đề án để lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với địa phương và thị trường tiêu thụ.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại dịch vụ, hình thành các vùng nguyên liệu sản phẩm chủ lực (như cây cà phê, thuốc lá, sâm dây...) phục vụ cho công nghiệp chế biến gắn với khai thác có hiệu quả cảnh quan thiên nhiên thúc đẩy du lịch trải nghiệm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, kịp thời có biện pháp xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực cung cấp, mua bán cây giống, vật tư nông nghiệp không rõ nguồn gốc, xuất xứ trên địa bàn. Xử lý nghiêm các doanh nghiệp lợi dụng các chủ trương để thực hiện các hành vi gian lận thương mại, mua bán hàng giả, hàng kém chất lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp.

5. Về thực hiện đàn gia súc, nuôi trồng thủy sản

5.1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục định hướng phát triển ngành chăn nuôi theo phương thức phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tăng cường cải tạo

³ Long Nang, Chung Năng, Đăk Tung

và nâng cao chất lượng giống; lựa chọn các loại giống có giá trị cao, dễ tiêu thụ trên thị trường. Áp dụng quy trình chăn nuôi để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng cường công tác thú y và phòng chống dịch bệnh. Quản lý các cơ sở giết mổ, chế biến, vận chuyển kinh doanh gia súc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe đáp ứng nhu cầu phục vụ tiêu thụ của người dân.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tổng đàn gia súc các loại đến năm 2030: Đạt 10.879 con (Trâu 205 con; Bò 4.079 con; Lợn 6.200 con; Dê 395 con) tức tăng 11,79% so với tổng đàn năm 2025 là 9.732 con.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2030: Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 là 7ha, tức tăng 37% so với năm 2025 là 5,1ha.

5.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường đồng thời đáp ứng yêu cầu trong chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu lại ngành chăn nuôi, giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị với nhu cầu tiêu thụ thị trường để phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định. Yêu cầu của công tác phòng chống dịch động vật đảm bảo chăn nuôi phát triển bền vững.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa với chế biến và thị trường tiêu thụ: Rà soát, quy hoạch lại ngành chăn nuôi, khu giết mổ tập trung, bổ sung vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đối tượng vật nuôi chủ lực hợp lý, ưu tiên giống vật nuôi có tiềm năng, lợi thế, phù hợp với nhu cầu của thị trường, đặc biệt là khả năng chống chịu dịch bệnh. Tiếp tục rà soát, lựa chọn địa điểm để giới thiệu, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư các khu chăn nuôi tập trung, củng cố cơ sở giết mổ gia súc đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo thương hiệu cho sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung.

- Định hướng tổ chức sản xuất chăn nuôi theo hướng chuỗi giá trị, khuyến khích hình thành các liên kết chăn nuôi như liên kết thông qua hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã...liên kết với doanh nghiệp có tiềm lực hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Duy trì và phát triển nhân rộng các mô hình, dự án về chăn nuôi đàn gia súc (đàn Trâu 46 con, đàn Bò 120 con, đàn Dê 63 con, đàn Lợn 100 con) trên địa bàn xã trong thời gian qua khi thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm

nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các mô hình của Mặt trận và các ngành đoàn thể xã trong giai đoạn 2021-2026.

- Nâng cao chất lượng hoạt động điều hành của các tổ hợp tác, hợp tác xã, các hộ chăn nuôi trên địa bàn, nâng cao ý thức các hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, nâng cao ý thức các hộ tham gia trong chuỗi liên kết việc tuân thủ các nguyên tắc sản xuất và hợp đồng liên kết. Chú trọng hướng dẫn người dân quy trình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phòng trị bệnh đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, tránh các hành vi gian lận thương mại, mua bán giống, sản phẩm gia súc kém chất lượng đưa ra thị trường tiêu thụ.

- Triển khai có hiệu quả các nguồn lực, thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực, hướng tới các nguồn lực của nhân dân, doanh nghiệp có tiềm lực trên địa bàn để thực hiện việc đầu tư xây dựng các cơ sở, trang trại chăn nuôi hướng tới đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sinh học: Ưu tiên các nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư, hỗ trợ các mô hình trang trại, gia trại vừa và nhỏ trên địa bàn có tập trung, trọng điểm. Huy động nguồn vốn xã hội hóa từ nguồn vốn tự có, nguồn đối ứng, liên kết của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, đồng thời tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để thu hút các doanh nghiệp hợp tác, liên kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp.

- Phát triển thị trường, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu: Khuyến khích xây dựng các chuỗi liên kết từ con giống, chăn nuôi, giết mổ, chế biến, thành phẩm và phân phối sản phẩm nông nghiệp của địa phương theo hướng liên kết 5 nhà (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà đầu tư) gắn với hình thành, phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, nhóm hộ để liên kết sản xuất, tiêu thụ gia súc theo chuỗi giá trị.

6. Về thực hiện mỗi xã một sản phẩm

6.1. Mục tiêu tổng quát: Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã. Hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm chủ lực, có thể mạnh tham gia Chương trình; duy trì và nâng cao chất lượng; quy mô sản xuất của các sản phẩm đã được công nhận; tổ chức đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm; thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xúc tiến thương mại.

6.2. Mục tiêu cụ thể: Duy trì 09 sản phẩm OCOP hiện có và đến năm 2030 phát triển thêm 06 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, tương ứng mỗi năm phát triển thêm từ 1-2 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao trong giai đoạn 2026-2030.

6.3. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin truyền thông về mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP trên phạm vi toàn xã nhằm nâng cao nhận thức cán bộ và tạo sự đồng thuận cho người dân khi triển khai thực hiện. Tập trung nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các tổ chức kinh tế trên địa bàn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; đa dạng hóa các hình thức truyền thông, qua các cổng thông tin điện tử, truyền thông mạng xã hội, bản tin, chuyên đề, tài liệu.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát việc duy trì, phát triển sản phẩm OCOP đã được công nhận về sự tuân thủ quy định chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm, sử dụng tem, bao bì, nhãn mác hàng hóa, bảo vệ môi trường và các quy định khác của Nhà nước có liên quan trên địa bàn xã.

- Tăng cường, hoàn thiện hệ thống đánh giá, quản lý, giám sát sản phẩm OCOP, đẩy mạnh chuyển đổi số trong triển khai, thực hiện Chương trình OCOP.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia các kênh thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream) nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP, nhất là đối với sản phẩm đặc sản địa phương, quy mô sản xuất nhỏ.

- Triển khai có hiệu quả các nguồn lực, thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực, hướng tới các nguồn lực của nhân dân, doanh nghiệp có tiềm lực trên địa bàn để thực hiện việc xây dựng các sản phẩm OCOP mới: Ưu tiên các nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư, hỗ trợ Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển sản phẩm mới (sản phẩm ý tưởng), sản phẩm làng nghề, sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, điểm du lịch nhằm đa dạng hóa sản phẩm, phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử, nghề truyền thống của địa phương; khuyến khích phong trào thanh niên, phụ nữ, trí thức trẻ, các chủ thể tích cực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đặc thù gắn với địa phương. Đối với các sản phẩm OCOP đã hình thành và sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng OCOP: Tập trung vào hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các chủ thể phát triển thị trường, kênh phân phối sản phẩm OCOP.

- Phát triển liên kết sản xuất: Thực hiện liên kết sản xuất để đảm bảo vùng nguyên liệu, đáp ứng quy mô sản xuất lớn khi nhu cầu khách hàng gia tăng, mở rộng thị trường, ưu tiên các sản phẩm nâng hạng sản phẩm lên 4 sao. Tăng cường liên kết chuỗi giá trị từ đầu vào đến đầu ra, chủ thể sản xuất cần phối hợp với nhà nước, nhà phân phối, nhà khoa học, các ngân hàng, tổ chức tín dụng... Các sản phẩm cần được đầu tư thiết kế kiểu dáng, nhãn mác, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ để có thể truy xuất nguồn gốc, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với sản

phẩm. Xác định mức giá bán sản phẩm phù hợp với chất lượng, đảm bảo tính cạnh tranh.

- Xúc tiến thương mại sản phẩm: Chủ động phối hợp với các cơ quan đơn vị hỗ trợ các sản phẩm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh tham gia các hội chợ, triển lãm trưng bày và giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ chủ thể trưng bày sản phẩm tại một số điểm trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP trong và ngoài xã.

7. Về thực hiện chỉ tiêu nước sạch và nhà vệ sinh

7.1. Mục tiêu tổng quát: Bảo đảm các hộ gia đình trên địa bàn xã được tiếp cận và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, đồng thời có công trình vệ sinh hộ gia đình đạt chuẩn; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu dịch bệnh, bảo vệ môi trường sống bền vững, đáp ứng tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

7.2. Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2030, có 100% hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh; có 100% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

7.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội, sinh hoạt chi bộ, các cuộc họp thôn về lợi ích của việc sử dụng nước hợp vệ sinh, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tổ chức điều tra, thống kê, phân loại rõ ràng hiện trạng các hộ dân chưa có nước hợp vệ sinh và nhà tiêu hợp vệ sinh. Lập danh sách các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn cần hỗ trợ ưu tiên để xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể theo từng năm.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn; Biểu dương, khen thưởng thôn, hộ gia đình thực hiện tốt; nhắc nhở, yêu cầu khắc phục đối với hộ chưa đạt.

- Đưa nội dung giáo dục về nước sạch, vệ sinh cá nhân, bảo vệ nguồn nước vào chương trình ngoại khóa tại các trường học.

8. Về sản xuất kinh doanh đạt môi trường

8.1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp trong công tác bảo vệ môi trường.

8.2. Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2030 100% cơ sở kinh doanh đạt tiêu chí về môi trường.

8.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến toàn thể Nhân dân, đặc biệt là các chủ cơ sở kinh doanh.

- Rà soát toàn bộ cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có trên địa bàn xã. Phân loại theo mức độ tác động đến môi trường để có biện pháp quản lý, hỗ trợ phù hợp.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đồng thời biểu dương các mô hình thực hiện tốt.

9. Về chỉ tiêu hộ đồng bào dân tộc thiểu số không còn thiếu đất ở, đất sản xuất

9.1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp trong công tác thực hiện các chính sách về đất ở, đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

9.2. Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2030 trên địa bàn xã không còn hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất.

9.3. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bản tin điện tử về các chủ trương, chính sách thực hiện về hỗ trợ người dân về chính sách vay vốn, chính sách về chuyển đổi nghề, các loại hình truyền thông phù hợp; những mô hình hay, cách làm hiệu quả rộng khắp trên địa bàn xã.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất ở, đất sản xuất, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân. Phát triển sản xuất, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án, chương trình hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất ở, đất sản xuất, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình chuyển đổi ngành nghề phù hợp với điều kiện, phong tục tập quán của địa phương, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã thay đổi nếp nghĩ, tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số; biết và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, biết chi tiêu hợp lý để tích lũy vốn tái đầu tư sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức đối thoại chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, đất sản xuất, tạo điều kiện cho người dân, người nghèo, cận nghèo trao đổi trực tiếp với các cấp chính quyền, nêu lên chính kiến, những nguyện vọng, khó khăn của hộ gia đình và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Có giải pháp quyết liệt, phù hợp với điều kiện văn hóa, phong tục tập quán của địa phương đi đôi với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao các Tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ xã quán triệt đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân biết, triển khai thực hiện.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa Chương trình của Đảng ủy xã để tổ chức triển khai thực hiện từng nội dung cụ thể. Đồng thời, đôn đốc, theo dõi tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất xem xét, chỉ đạo giải quyết đối với những khó khăn, vướng mắc (nếu có) phát sinh trong tổ chức thực hiện.

3. Giao Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c),
- Các Đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- Ủy ban nhân dân xã,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- UBMT Tổ quốc Việt Nam xã,
- Các TCCSĐ trực thuộc Đảng ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ

Lê Viết Nam